

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

## QUYỂN 42

### GIẢI THÍCH PHẨM CHÍN: TẬP TÁN

#### Phần 1

**KINH:** Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Con biết không nắm được Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì sẽ vì ai nói Bát-nhã Ba-la-mật?

Bạch Đức Thế Tôn! Con không biết không nắm được hết thủy pháp hoặc tập hoặc tán, nếu con vì Bồ-tát lập danh tự nói là Bồ-tát, thì con sẽ có hối hận.

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng không trụ. Vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì, thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Bạch Đức Thế Tôn! Con đối với Bồ-tát ma-ha-tát và đối với Bát-nhã Ba-la-mật đều không biết không nắm được, làm sao khiến con đem pháp Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng giáo giới giáo thọ cho các Bồ-tát ma-ha-tát? Bạch Thế Tôn! Con đối với các pháp hoặc tăng hoặc giảm còn không biết không nắm được, nếu con đem các pháp giáo giới giáo thọ cho các Bồ-tát ma-ha-tát, thời con sẽ có hối hận v.v... ND)

Bạch Thế Tôn! Con chẳng nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến thức hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự?

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên đó, danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được mắt hoặc tập hoặc tán, cho đến ý hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự mắt cho đến danh tự ý, chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế

nên danh tự ấy chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến pháp hoặc tập hoặc tán, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự sắc cho đến danh tự pháp ấy, chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Nhãn thức cho đến ý thức; nhãn xúc cho đến ý xúc; nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh tận hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết tận hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được dâm, nộ, si hoặc tập hoặc tán; các tà kiến hoặc tập hoặc tán, đều cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được Sáu Ba-la-mật hoặc tập hoặc tán; Bốn niệm xứ hoặc tập hoặc tán; cho đến Tám Thánh đạo phần hoặc tập hoặc tán; không, vô tướng, vô tác hoặc tập hoặc tán; Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc hoặc tập hoặc tán; niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Bố thí, niệm Trời, niệm lành, niệm hơi thở ra vào, niệm Thân, niệm Chết hoặc tập hoặc tán. Con cũng không nắm được Mười lực của Phật cho đến Mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con nếu không nắm được sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán, thì làm sao để lập danh tự gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được năm uẩn như mộng hoặc tập hoặc tán; con không nắm được năm uẩn như tiếng vang, như bóng, như rắng nắng, như huyền hóa hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được xa lìa hoặc tập hoặc tán; con không nắm được tịch diệt, bất sinh bất diệt, không hiển thị, không như không sạch hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Con không nắm được pháp lành, pháp chẳng lành, hoặc tập hoặc tán; con không nắm được pháp hữu vi vô vi, pháp hữu lậu vô lậu hoặc tập hoặc tán; pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc tập hoặc tán; pháp chẳng

quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại hoặc tập hoặc tán. Những gì là pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại? Đó là pháp vô vi.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được pháp vô vi hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được Phật hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được thế giới chư Phật như hằng hà sa ở mười phương và Bồ-tát, thanh-văn Tăng hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Nếu con không nắm được chư Phật hoặc tập hoặc tán, thì làm sao dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho Bồ-tát ma-ha-tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự Bồ-tát ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì cố sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được thật tướng các pháp hoặc tập hoặc tán, thì làm sao lập danh tự Bồ-tát để gọi đó là Bồ-tát!

Bạch Thế Tôn! Danh tự các pháp thật tướng ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì cố sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

**LUẬN:** Hỏi: Trong phẩm trước đã nói không thấy Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật, hết thấy các pháp không trong không ngoài, không ở giữa v. v... sao nay còn nói lại?

Đáp: Có bốn thứ ái là dục ái, hữu ái, phi hữu ái, pháp ái. Dục ái dễ thấy, lỗi nó là bất tịnh v. v... ; hữu ái, không bất tịnh v. v... nhỏ nhiệm khó khiển trừ. Phi hữu ái, phá hữu, vì phá hữu nên in tuồng trí tuệ, khó khiển trừ. Pháp ái, ái trước các đạo thiện pháp lợi ích. Trong pháp ái, tội lỗi khó thấy, nên nói lại; ví như cây cỏ nhỏ, gia công ít dễ trừ, còn cây lớn, gia công nặng khó trừ.

Lại nữa, pháp trên và pháp đây có đồng có khác, trên kia nói không thấy danh tự Bồ-tát, ở đây nói không biết không nắm được danh tự Bồ-tát. Vì không biết không nắm được nên không thấy, chẳng phải vì lực trí tuệ ít nên không thấy.

Hỏi: Khi tập hành Bát-nhã Ba-la-mật là có Bồ-tát chẳng? Sao nay nói không thấy Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Từ vô thủy lại, chúng sinh vốn không thể có được, chứ chẳng phải vì tập hành Bát-nhã Ba-la-mật nên không thể có được. Chỉ vì điên đảo hư dối, người phàm phu chạy theo giả danh cho là có. Nay tập hành Bát-nhã Ba-la-mật diệt điên đảo hư dối, rõ nó là không, chẳng phải vốn có nay không; vốn có nay không thì rơi vào đoạn diệt.

Lại nữa, Tu-bồ-đề tâm hối hận, sợ phá giới vọng ngữ. Vì cố sao? Vì

trong Phật pháp hết thấy pháp quyết định là vô ngã, mà ta nói có Bồ-tát để nói Bát-nhã Ba-la-mật cho họ, thì bị đọa vào tội vọng ngữ, thế nên tâm hối hận.

Lại nữa, có nhân duyên làm cho tâm hối hận, hết thấy pháp vì là không, không thể có được nên đều không. Vì cớ sao? Vì không tập không tán. Ví như mắt và sắc làm nhân duyên sinh nhãn thức, ba sự hòa hợp (Ba sự là mắt, sắc, nhãn, thức - ND) nên sinh nhãn xúc, trong nhân duyên nhãn xúc liền sinh các tâm số pháp thọ, tưởng, tư v.v... Trong đây, vì tà kiến ức niệm nên sinh ra các phiền não tội nghiệp, vì chánh ức niệm nên sinh ra các thiện pháp. Do nghiệp thiện ác mà thọ quả báo trong sáu đường. Từ nơi thân này lại gây ra nghiệp thiện ác, như vậy triển chuyển vô cùng, ấy gọi là Tập. Các căn tai, mũi v.v... cũng như vậy.

Tán, là nhãn thức v.v... niệm niệm diệt, vì các nhân duyên ly tán. Các pháp nhãn thức v.v... khi sinh không từ đâu lại, chẳng phải như hạt lúa trên ruộng vận chuyển tụ tập; còn khi diệt không đi đâu, chẳng phải như phân tán lúa cho dân; ấy gọi là lược nói tướng tập tán của các pháp; khi sinh không từ đâu đến, khi diệt không đi về đâu, các pháp đều như huyễn hóa, chỉ đối hoặc con mắt.

Hỏi: Nếu như vậy, đã có tướng tập tán, cớ sao Tu-bồ-đề nói không biết không nắm được?

Đáp: Vì không từ đâu đến nên tướng tụ tập không thể có được; vì không đi về đâu nên tướng phân tán không thể có được.

Lại nữa, sinh không có, nên tướng tụ tập không thể có được; diệt không có, nên tướng phân tán không thể có được; vì rốt ráo không, nên tướng tụ tập không thể có được; vì nghiệp nhân duyên không mất nên tướng phân tán không thể có được.

Lại nữa, quán lý thế gian biến diệt nên tướng tụ tập không thể có được, quán lý thế gian tụ tập nên tướng phân tán không thể có được. Có các nghĩa như vậy, nên biết tướng tụ tập phân tán không thể có được, làm sao lập danh tự là Bồ-tát? Nếu gượng nói có danh ấy, thì danh ấy cũng không trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Hỏi: Danh tự ấy cớ sao không trụ?

Đáp: Danh tự trụ ở trong pháp, vì pháp không, nên danh tự không có chỗ trụ, như xe do bánh xe, vành xe, cái hoa xe, cái bầu xe, hòa hợp nên có tên xe; nếu sự hòa hợp ấy phân tán thì mất tên xe. Tên xe ấy chẳng phải ở trong bánh xe v.v... cũng chẳng phải ở trong chỗ lia bánh xe v.v... Danh tự xe, tìm trong một, khác đều không thể có được, vì mất trong danh tự xe, danh tự không có chỗ trụ. Khi nhân duyên phân tán

còn không có, huống gì khi nhân duyên diệt? Chúng sinh cũng như vậy, do năm uẩn sắc, thọ v.v... hòa hợp, nên có danh tự chúng sinh, nếu năm uẩn ly tán, thì danh tự không có chỗ trụ; khi năm uẩn ly tán còn không có, huống gì không có năm uẩn?

Hỏi: Nếu khi phân tán, danh tự không thể có được, còn khi đang hòa hợp chưa phân tán thì có danh tự, cớ sao nói không thể có được?

Đáp: Danh tự Bồ-tát ấy chỉ có một, mà năm uẩn thì có năm, một không làm thành năm, năm không làm thành một; nếu năm làm một, không thể được; như năm con vật không được dùng làm một con, hoặc một làm năm, không thể được, như một con vật không được dùng làm năm con. Vì vậy một danh tự Bồ-tát không được trụ trong năm uẩn. Chẳng phải không trụ, là nếu không có danh tự, theo nhân duyên hòa hợp, thì ngôn ngữ, sự việc thế tục đều tiêu mất. Thế đế không có nên đệ nhất nghĩa đế cũng không có; hai đế không có nên các pháp rối loạn.

Lại nữa, nếu trong nhân duyên có danh tự thì như nói lửa ắt bị cháy miệng, nói có ắt bị lấp bít miệng. Nếu danh tự không ở trong pháp thì nói lửa không nên sinh ý tưởng về lửa, tìm lửa cũng có thể được nước. Từ xa xưa lại đây, chung nhau truyền danh tự nên do danh tự mà biết đến việc. Do vậy nên nói nghĩa của danh tự chẳng phải trụ chẳng phải không trụ.

Lại nữa, trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Vì không có gì nên danh tự chẳng phải trụ chẳng phải không trụ. Giống như danh tự Bồ-tát, danh tự các pháp Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới cũng như vậy.

Hỏi: Như trước đã nói các pháp Năm uẩn hoặc tập hoặc tán đều không có được, nay cớ sao còn nói Năm uẩn?

Đáp: Ở trên nói ngay Năm uẩn, nay muốn nói Năm uẩn như mộng, như huyễn.

Lại nữa, có người nói Năm uẩn của người phàm phu hư dối không thật, như mộng, còn Năm uẩn của thánh nhân chẳng phải hư dối, vì vậy nên Tu-bồ-đề nói như mộng như huyễn, đều đồng chẳng trụ.

Hỏi: Trong mười thí dụ (xem mục Mười dụ) cớ sao đây chỉ nói đến năm việc?

Đáp: Nếu nói mười việc thì không có trong hiện tại, chỉ theo tâm chúng sinh nói năm dụ đủ biện biệt năm việc, nên không nói hết. Hoặc vì Năm uẩn nên nói năm dụ, các pháp khác cũng như vậy.

Lìa có hai:

1. Thân lìa.
2. Tâm lìa.

Thân lìa là bỏ thế sự ân ái gia đình, ở chỗ nhàn tịnh; tâm lìa là xa lìa hết các kiết sử.

Lại Lìa có hai thứ:

1. Các pháp lìa danh tự.
2. Các pháp mỗi mỗi lìa tư tưởng.

Trong đây cốt nói hai thứ lìa sau. Vì cơ sao? Vì trong đây cốt phá danh tự, còn chỗ khác nói lìa tự tưởng. Trong pháp Tiểu thừa phần nhiều nói hai thứ lìa trước (thân lìa, tâm lìa).

Tịch diệt cũng có hai: 1. Thuận tướng lành tịch diệt ác sự. 2. Như tướng Niết-bàn tịch diệt. Quán các pháp thế gian cũng như vậy, trong đây chỉ nói thứ tịch diệt sau.

Bất sinh cũng có hai: 1. Pháp vị lai và vô vi. 2. Hết thấy pháp thật tướng vô sinh. Vì tướng sinh không thể có được nên trong đây chỉ nói thứ sinh sau.

Bất diệt có ba: 1. Trí duyên diệt (trạch diệt). 2. Phi trí duyên diệt (phi trạch diệt). 3. Vô thường diệt. Trong đây cốt nói vô thường diệt; vì trái với đây nên gọi là bất diệt.

Bất thị là hết thấy các quán diệt, đường ngôn ngữ dứt, không có pháp có thể chỉ bày, pháp ấy tướng như vậy, hoặc có hoặc không, hoặc thường hoặc vô thường, chẳng nhớ chẳng sạch. Nghĩa là như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị, như trước đã nói.

Hỏi: Năm uẩn có tập có tán, trái với đây nên nói không tập không tán; còn như như, pháp tánh, thật tế v.v... không trái nhau, cơ sao không tập không tán?

Đáp: Hành giả được như như, pháp tánh v.v... nên gọi là tập, vì mất nên gọi là tán. Như hư không tuy không tập không tán, song khoét vách cửa gọi là tập, lấp bít lại gọi là tán. Các nghĩa thiện, bất thiện cho đến mười phương hằng hà sa chư Phật, như trước đã nói.

Các pháp ấy và danh tự Phật không chỗ nương dựa, cho nên đều không, chẳng trụ chẳng phải không trụ.

**KINH:** Bạch Thế Tôn! Các pháp do nhân duyên hòa hợp, giả danh bày đặt gọi là Bồ-tát. Danh tự ấy, không thể nói nó ở trong Năm uẩn; không thể nói ở trong Mười hai nhập, Mười tám giới, cho đến Mười tám pháp không chung, cũng không thể nói nó ở trong pháp hòa hợp. Bạch Thế Tôn! Ví như mộng, không thể nói nó ở trong các pháp; tiếng vang, bóng, rắng nắng, huyền hóa, cũng không thể nói nó ở trong các pháp; ví như danh tự hư không, không thể nói nó ở trong pháp nào (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Vô xứ khả thuyết - không thể nói nó ở chỗ nào – ND) Bạch

Thế Tôn! Như danh tự đất, nước, lửa, gió cũng không thể nói ở trong pháp nào; danh tự giới, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự Tu-đà-hoàn, cho đến danh tự A-la-hán, Bích-chi Phật, cũng không thể nói ở trong pháp nào, như danh tự Phật, danh tự Pháp cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịch diệt hoặc lìa, hoặc có hoặc không, không thể nói ở trong pháp nào.

Bạch Thế Tôn! Con vì nghĩa ấy nên tâm hối hận (nếu con nói Bát-nhã Ba-la-mật đa cho các Bồ-tát – ND). Hết thấy các pháp tướng tập, tướng tán không thể có được, làm sao vì Bồ-tát lập danh tự gọi là Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy không trụ chẳng phải không trụ. Vì có sao? Vì danh tự không có gì. Vì vậy danh tự ấy không trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật tướng như vậy, nghĩa như vậy mà tâm không chìm đắm, không hối, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ-tát ấy chắc chắn trụ tánh bất thối chuyển, vì trụ pháp không trụ.

**LUẬN:** Môn không trụ cũng chẳng phải không trụ trước đây dùng để phá danh tự Bồ-tát và các pháp, nay dùng môn khác để phá danh tự Bồ-tát, không có pháp gì có thể gọi là Bồ-tát. Vì có sao? Vì Bồ-tát chẳng phải là năm uẩn, năm uẩn chẳng phải là Bồ-tát; trong năm uẩn không có Bồ-tát, trong Bồ-tát không có năm uẩn; năm uẩn không thuộc Bồ-tát, Bồ-tát không thuộc năm uẩn; lìa Năm uẩn không có Bồ-tát, lìa Bồ-tát không có Năm uẩn. Như vậy danh tự Bồ-tát không thể có được, nên biết nó là không, cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy; thí như việc trông thấy trong mộng, đều là hư dối không thể nói. Trong mộng ấy không có tướng pháp nhất định gọi là Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, chỉ có tâm cuồng. Bóng, tiếng vang, ráng nắng, huyền hóa cũng như vậy, chỉ dối gạt tai mắt; như hư không, không thể nói ở trong các pháp, vì vô tướng. Vì hư không trái với sắc, nên không được nói là sắc, chỗ sắc tiêu hết cũng chẳng phải hư không, vì không có pháp riêng biệt. Nếu bảo chỗ thân ra vào là tướng hư không, việc ấy không đúng. Đó là thân nghiệp chẳng phải tướng hư không, nếu không có tướng thì không có pháp. Vì vậy, hư không chỉ có danh tự. Danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Hỏi: Như mộng, hư không v.v... có thể chỉ có danh tự; làm sao đất,



nước, lửa, gió thật pháp mà cũng chỉ có danh tự?

Đáp: Người vô trí cho các vật đất v.v... là thật, Thánh nhân bằng tuệ nhãn xem thấy toàn là hư dối. Thí như trẻ con thấy tượng trong gương cho là thật, vui mừng muốn lấy, người lớn xem đó chỉ là dối hoặc mắt người. Những người phàm phu thấy vi trần hòa hợp thành đất, cho là đất thật, ai có mắt trời phân tán đất ấy, chỉ thấy vi trần, còn dùng tuệ nhãn phân biệt phá tan thì đất ấy hoàn toàn không thể có được.

Lại nữa, trong phẩm đầu của Luận, dùng các phá thân tướng, như thân phá, đất cũng phá.

Lại nữa, nếu đất là thật, tại sao khi quán hết thấy lửa thì đều là lửa? Hoặc cho thiền định quán là thật, còn Phật nói hết thấy pháp Không là hư vọng, thì việc ấy không đúng; nước, lửa, gió cũng như vậy. Như bốn đại hợp làm thân, vốn còn như vậy, hưởng gì các nghiệp do thân làm như giữ giới v.v... mà chẳng không? Như giữ giới là thô nghiệp còn không, hưởng gì thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến v.v... mà chẳng không! Nếu năm pháp uẩn giới, định v.v... còn không, hưởng gì các Thánh đạo quả do giữ giới, thiền định v.v... làm nhân duyên để chứng đắc mà chẳng không! Nếu Thánh đạo quả còn không, hưởng gì người chứng Tu-đà-hoàn cho đến Phật mà chẳng không! Vì vậy, danh tự Bồ-tát tuy là thiện pháp, cho đến xuất ra từ trong pháp có, không, không gọi là thiện, cho đến không gọi là có, không, vì tập và tán không thể có được.

Tu-bồ-đề đã biết tướng không như vậy, làm sao gọi là Bồ-tát, để nói Bát-nhã Ba-la-mật cho Bồ-tát? Nếu Bồ-tát nghe như vậy, không sợ, không hãi, thì trụ trong tánh bất thối chuyển, vì như pháp bất trụ mà trụ vậy.

Tánh bất thối chuyển là, Bồ-tát ấy chưa được vô sinh pháp nhẫn, chưa được chư Phật thọ ký, chỉ nhờ sức phước đức trí tuệ, có thể tin vui các pháp rốt ráo không, ấy gọi là trụ trong tánh bất thối chuyển, vì được khí phần bất thối chuyển, như trẻ con sinh trong dòng họ quý, tuy chưa làm nên việc, mà do dòng họ quý làm quý.

**KINH:** Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi sắc, không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức; không nên trụ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không nên trụ nơi nhãn xúc cho đến không nên trụ nơi ý xúc; không nên trụ nơi thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến không nên trụ nơi thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh; không nên trụ nơi các chủng địa, thủy, hỏa, phong, không, thức; không nên trụ nơi vô sinh cho đến lão tử. Vì cớ sao? Bạch Thế Tôn! Sắc, tướng của sắc không, thọ, tưởng, hành, thức, tướng của



thọ, tướng, hành thức không. Bạch Thế Tôn! Sắc không, không gọi là sắc, lìa không cũng không gọi là sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tướng, hành, thức, thức không, không gọi là thức, lìa không cũng không gọi là thức; thức tức là không, không tức là thức, cho đến lão tử, tướng của lão tử không. Bạch Thế Tôn! Lão tử không, không gọi là lão tử, lìa không cũng không có lão tử; lão tử tức là không, không tức là lão tử.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi sắc cho đến không nên trụ nơi lão tử.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi Bốn niệm xứ. Vì cố sao? Vì Bốn niệm xứ, tướng Bốn niệm xứ không. Bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ không, không gọi là bốn niệm xứ, lìa không cũng không có Bốn niệm xứ, Bốn niệm xứ tức là không, không tức là Bốn niệm xứ; cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi Thí Ba-la-mật, không nên trụ nơi Giới Ba-la-mật, không nên trụ nơi Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cố sao? Vì Thí Ba-la-mật, tướng Thí Ba-la-mật không, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật tướng không. Bạch Thế Tôn! Thí Ba-la-mật không, không gọi là Thí Ba-la-mật; lìa không cũng không có Thí Ba-la-mật; Thí Ba-la-mật tức là không, không tức là Thí Ba-la-mật; cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi Sáu Ba-la-mật.

**LUẬN:** Trên kia Tu-bồ-đề do “khiêm nhường” mà nói Bát-nhã, tuy nói không nói, song thật đã vì Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật. Nay Tu-bồ-đề do môn “không trụ”, thẳng vì Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật có các danh tự; Quán, tu, tương ứng, hợp, nhập, tập, trụ v.v... ấy đều gọi là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ nói các danh tự, người nghe hoan hỷ.

Lại nữa, hơi có sai biệt về danh tự tu hành: Lắng nghe, đọc tụng, viết chép, chánh ức niệm, thuyết giảng, tư duy, trừ lượng, phân biệt, tu

tập cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chung lại gọi là tu hành. Vì từ tu hành mà phân biệt ra: Bắt đầu gọi là quán, như bắt đầu thấy vật; mỗi ngày học dần gọi là tập; có thể cùng Bát-nhã tương ứng gọi là hiệp; tùy thuận Bát-nhã Ba-la-mật gọi là tương ứng; thấu suốt Bát-nhã Ba-la-mật gọi là nhập; phân biệt chấp thủ tướng có việc ấy gọi là niệm; thường hành không dứt làm cho tương tự gọi là học; học xong, phương tiện khéo léo quán sát biết phải, quấy, được, mất, gọi là tư duy; dùng tâm thiền định tu hành, gọi là tu; được đạo Bát-nhã Ba-la-mật ấy không mất, gọi là trụ; trái với trụ là chẳng trụ.

Hỏi: Trước nói các pháp không, tức là chẳng trụ, sao nay nói không nên trụ nơi hết thấy pháp?

Đáp: Trước tuy đã nói, song tâm đắm trước pháp ái khó khiến trừ nên nay nói lại.

Lại nữa, có Tam-muội Vô tướng; vào Tam-muội ấy, không chấp thủ tướng các pháp nhưng không vào diệt định. Trí tuệ Bồ-tát không thể nghĩ bàn, tuy không chấp thủ hết thấy pháp tướng, nhưng có thể hành đạo, như chim ở giữa hư không, tuy không chỗ nương tựa mà có thể bay cao. Bồ-tát cũng như vậy, không trụ nơi các pháp mà có thể hành đạo Bồ-tát.

Hỏi: Tâm người gặp duyên thì khởi, làm sao Bồ-tát không trụ nơi hết thấy pháp mà không vào diệt định?

Đáp: Tu-bồ-đề tự nói: Sắc, sắc tướng tự không, sắc không là chẳng phải sắc, cũng chẳng lìa không có sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Nghĩa này ở trong phẩm thứ hai đã nói, cho đến không nên trụ nơi Sáu Ba-la-mật cũng như vậy, vì không cho nên không chỗ trụ.

**KINH:** Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi văn tự, không nên trụ nơi môn một chữ, môn hai chữ, các môn chữ như vậy. Vì cố sao? Vì các chữ, tướng các chữ không, như trên đã nói.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi các thần thông. Vì cố sao? Vì các thần thông, tướng các thần thông không; thần thông không, không gọi là thần thông, lìa không cũng không có thần thông; thần thông tức là không, không tức là thần thông.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi các thần thông.

**LUẬN:** Có hai hạng Bồ-tát: 1. Tập thiền định. 2. Học tụng. Ngồi thiền thì sinh thần thông, học tụng thì khởi tâm phân biệt văn tự.

Môn một chữ là một chữ một lời, như đất gọi là Phù.

Môn hai chữ là hai chữ một lời, như nước gọi là Xà-lam.

Danh tự ba chữ như nước gọi là Ba-ni-lam. Có các tự môn như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát nghe một chữ, tức vào trong thật tướng hết thấy pháp, như nghe chữ “A” tức biết các pháp từ xưa lại đây không sinh. Như vậy v.v... như nghe chữ “Đầu khư” biết hết thấy pháp sinh tướng khổ, tức thời sinh tâm đại bi; như nghe chữ “A-ni-tra” biết hết thấy pháp tướng vô thường, tức thời vào đạo Thánh hạnh. Ngoài ra như trong văn tự Đà-la-ni nói rộng.

Nghĩa thần thông, trước đã nói. Hai việc ấy rất ráo không, nên Bồ-tát không trụ nơi đó.

**KINH:** Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc là vô thường không nên trụ, thọ tướng hành thức là vô thường không nên trụ. Vì cố sao? Vì vô thường, tướng vô thường không. Bạch Thế Tôn! Vô thường không, không gọi là vô thường, lìa không cũng không có vô thường; vô thường tức là không, không tức là vô thường.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc là vô thường, không nên trụ, thọ tướng hành thức là vô thường không nên trụ; sắc là khổ không nên trụ, thọ tướng hành thức là khổ không nên trụ; sắc là vô ngã không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là vô ngã không nên trụ; sắc là không, không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là không, không nên trụ; sắc là tịch diệt không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là tịch diệt không nên trụ; sắc là lìa không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là lìa không nên trụ; như trên nói.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật không nên trụ nơi như như, vì sao? Vì như như, tướng như như không. Bạch Thế Tôn! Tướng như như không, không gọi là như như, lìa không cũng không có như như; như như tức là không, không tức là như như.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế. Vì sao? Vì thật tế, thật tế không. Bạch Thế Tôn! Thật tế không không gọi là thật tế, lìa không cũng không có thật tế; thật tế tức là không, không tức là thật tế.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi hết thấy môn Đà-la-ni, không nên trụ nơi hết thấy môn Tam-muội. Vì sao? Vì môn Đà-la-ni, tướng môn Đà-la-ni

không; môn Tam-muội, tướng môn Tam-muội không. Bạch Thế Tôn! Môn Đà-la-ni, môn Tam-muội không, không gọi là môn Đà-la-ni, môn Tam-muội; lìa không cũng không có môn Đà-la-ni, môn Tam-muội; môn Đà-la-ni, môn Tam-muội tức là không, không tức là môn Đà-la-ni, môn Tam-muội.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi Như như cho đến môn Đà-la-ni, môn Tam-muội.

Bạch Thế Tôn! Như Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta, mà trụ nơi sắc, Bồ-tát ấy gia hạnh đối với sắc, đem tâm tôi, ta mà trụ nơi thọ tướng hành thức, Bồ-tát ấy gia hạnh đối với thức. Nếu Bồ-tát gia hạnh thì không nhiếp thọ Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật; vì không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật nên không thể thành tựu Tát-bà-nhã được

Bạch Thế Tôn! Như Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta trụ nơi Mười hai nhập cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội, Bồ-tát ấy gia hạnh đối với Mười hai nhập cho đến gia hạnh đối với môn Đà-la-ni, Tam-muội. Nếu Bồ-tát gia hạnh thì không nhiếp thọ Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Vì không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật nên không thể thành tựu Tát-bà-nhã được. Vì sao? Vì sắc là không nhiếp thọ, thọ tướng hành thức là không nhiếp thọ. Sắc không nhiếp thọ thì chẳng phải sắc, thọ tướng hành thức không nhiếp thọ thì chẳng phải... thức, vì tánh không vậy.

Mười hai nhập là không nhiếp thọ, cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội là không nhiếp thọ, Mười hai nhập không nhiếp thọ thì chẳng phải Mười hai nhập; cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội không nhiếp thọ, thì chẳng phải môn Đà-la-ni, Tam-muội, vì tánh không vậy.

Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không nhiếp thọ, Bát-nhã Ba-la-mật không nhiếp thọ thì chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật, vì tánh không vậy. Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật nên quán các pháp tánh không. Khi quán như vậy tâm không chỗ duyên, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát không nhiếp thọ Tam-muội, vì diêu thù thắng, có tác dụng rộng lớn vô ngại, không chung với Thanh-văn, Bích-chi Phật. Tuệ Tát-bà-nhã (Nhất thiết trí trí) ấy cũng không nhiếp thọ; vì trong không ngoài không, trong ngoài không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy.

Vì cơ sao? Vì Tát-bà-nhã ấy, không thể lấy tướng tu được, vì lấy tướng tu hành có cấu uế (phiền não). Thế nào là tướng cấu uế? Tướng sắc cho đến tướng môn Đà-la-ni, môn Tam-muội, ấy gọi là tướng cấu uế.

**LUẬN:** Các Thánh hạnh quán vô thường, như như, pháp tánh, thật tế, môn Đà-la-ni, Tam-muội, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp cấu uế không nên trụ, vì tội lỗi, còn trong pháp thiện, vô ký, cơ sao không nên trụ?

Đáp: Nó tuy chẳng phải tội, mà làm nhân duyên sinh tội, như Phật nói trong đây: Có Bồ-tát đem tâm tôi, ta tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, trụ trước nơi sắc, vì sinh sắc nên tạo tác các nghiệp; trụ trước nơi thọ, tưởng, hành, thức cùng như vậy. Vì sinh khởi năm uẩn nên tu hành, ấy là không nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật. Người ấy tuy nói ta tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, ấy là cách tu hành thế gian, không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, không thể đạt đến Nhất thiết trí trí. Cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội cũng như vậy.

Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên không trụ, đó là sắc không nhiếp thọ, nếu sắc không nhiếp thọ thì chẳng phải sắc, vì tánh thường không vậy.

Hỏi: Sắc ấy vì có tội lỗi vô thường, khổ, không, vô ngã nên không nhiếp thọ; thí như cục vàng cháy nóng, tuy đối với vàng có thể tham, nhưng vì nóng không thể lấy, còn đây có lỗi gì, mà cưỡng phá Năm uẩn?

Đáp: Có hai thứ đấm trước: 1. Dục trước. 2. Kiến trước. Có người quán vô thường, khổ, phá dục trước mà được giải thoát; hoặc có người tuy quán vô thường v.v... mà còn đấm trước pháp, sinh vọng kiến. Vì hạng người ấy phân biệt tướng sắc không, như vậy thì xa lìa kiến trước; cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội cũng vậy.

Hỏi: Thanh-văn, Bích-chi Phật, không nhiếp thọ hết thấy pháp nên lậu hoặc dứt hết, cơ sao trong đây nói Tam-muội không nhiếp thọ không chung với Nhị thừa?

Đáp: Nhị thừa tuy có Tam-muội không nhiếp thọ, song không có tác dụng rộng lớn, lanh lợi, không sâu cũng không kiên cố.

Lại nữa, Thanh-văn, Bích-chi Phật khi lậu hoặc hết, mới được không nhiếp thọ các pháp, còn Bồ-tát tu lâu xa đã biết các pháp không nhiếp thọ, tất cả đều như Vô-dư Niết-bàn rốt ráo không, vì vậy nên nói không chung với nhị thừa.

Lại nữa, Nhị thừa còn có tập khí, có ngại có chướng nên tuy có Tam-muội không nhiếp thọ, nhưng không thanh tịnh, như Đại Ca-diếp

nghe Bồ-tát đánh nhạc, không thể tự an trên chỗ ngồi. Các Bồ-tát hỏi: Ngài có hạnh đầu đà đệ nhất, tại sao vẫn lay động như múa? Ca-diếp đáp: Tôi đối với năm dục ở cõi trời cõi người lia hẳn không lay động, còn đây là sức biến hóa do nghiệp phước đức của Bồ-tát, tôi chưa thể nhẫn được. Như núi chúa Tu-di, bốn phía gió nổi, đều kham chịu nổi, nếu gặp gió Tỳ-lam thổi đến thì không thể yên. Tập khí của Thanh-văn, Bích-chi Phật, đối với Bồ-tát thì đó là phiền não.

Lại nữa, Tam-muội không nhiếp thọ ấy, chỉ có Phật biết khắp. Bồ-tát vì cầu Phật đạo nên tuy không thể biết khắp mà vẫn hơn Nhị thừa, vì vậy nên nói không chung với Nhị thừa. Vì người quý trọng Tam-muội không nhiếp thọ ấy mà sinh tâm đấm trước, nên Tu-bồ-đề nói: Không chỉ Tam-muội ấy không nhiếp thọ, mà sắc cho đến Nhất thiết chủng trí đều không nhiếp thọ. Vì cớ sao? Vì Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Vì Mười tám không nên không nhiếp thọ.

Hỏi: Cớ sao dùng Mười tám không để quán các pháp đều không?

Đáp: Trong đấy, Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Vì chấp thủ tướng đấm trước nên sinh các tướng kiết sử. Tướng sắc cho đến môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội, đều là cội gốc phiền não. Nếu trong Phật pháp, thì cho đến không có tướng vi tế pháp có thể chấp thủ.

**KINH:** Nếu chấp thủ tướng ấy mà tu đạt được Tát-bà-nhã thì Tiên-ni Phạm-chí (Thắng quân Phạm-chí) không bao giờ sinh lòng tin đối với Nhất thiết trí. Thế nào là tin? Tin Bát-nhã Ba-la-mật, phân biệt hiểu biết, so lường, suy nghĩ (Nhất thiết trí trí – ND) không bằng vào tướng, không bằng vào vô tướng. Như vậy Tiên-ni Phạm-chí không chấp thủ tướng, ở vào hạng tùy tín hành. Do trí tánh không, ngộ nhập thật tướng các pháp, không chấp thủ tướng sắc, không chấp thủ tướng thọ, tướng, hành, thức. Vì sao? Vì các pháp tự tướng không vậy, không thể thủ đắc.

Tiên-ni Phạm-chí ấy chẳng do nội quán được thấy trí tuệ ấy, chẳng phải do ngoại quán được thấy trí tuệ ấy, cũng chẳng phải không có trí quán mà được thấy trí tuệ ấy. Vì sao? Vì Phạm-chí ấy không thấy pháp, người biết, pháp biết, chỗ biết (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Vì Phạm-chí không thấy trí Tát-bà-nhã bị quán, không thấy Bát-nhã năng quán, không thấy người quán, không thấy chỗ quán nương dựa và lúc khởi quán – ND). Phạm-chí ấy chẳng phải nơi nội sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nơi nội thọ, tướng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi ngoại sắc thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi ngoại thọ, tướng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi nội ngoại sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nơi nội ngoại thọ, tướng, hành, thức

thấy trí tuệ ấy; cũng chẳng lia sắc, thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy, vì nội ngoại đều không vậy.

Tiên-ni Phạm-chí tâm được tin hiểu Nhất thiết trí ở trong đây. Vì vậy Phạm-chí tin thật tướng các pháp, vì hết thấy pháp không thể có được. Tin hiểu như vậy, không có pháp có thể chấp thủ, vì các pháp vô tướng, không ức niệm vậy.

Phạm-chí ấy đối với các pháp cũng không sở đắc, hoặc lấy hoặc bỏ, vì lấy bỏ không thể có được.

Phạm-chí ấy cũng không ức niệm trí tuệ, vì các pháp tướng vô niệm vậy.

Bạch Thế Tôn! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật như vậy có thể từ bờ này đến bờ kia. Bồ-tát ấy không chấp thủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không chấp thủ hết thấy pháp, cho đến không chấp thủ các môn Đà-la-ni, Tam-muội. Vì không chấp thủ hết thấy pháp nên Bồ-tát ấy cũng không chấp thủ Niết-bàn; mà vì bốn nguyện tu Bốn niệm xứ, cho đến Tám Thánh đạo phần chưa đầy đủ, và vì bốn nguyện chứng Mười lực, Mười tám pháp không chung của Phật chưa được thành tựu. Vì cơ sao? Vì Bốn niệm xứ ấy chẳng phải Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung, chẳng phải Mười tám pháp không chung, vì các pháp ấy là phi pháp, cũng chẳng phi pháp. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không chấp thủ tướng sắc cho đến tướng Mười tám pháp không chung.

**LUẬN:** Hỏi: Trong đây vì nhân duyên gì mà nói đến Tiên-ni Phạm-chí?

Đáp: Kinh này dùng các nhân duyên nói về pháp không, cho đến không có một chút tướng có thể chấp thủ. Lòng người nghi ngờ lấy làm lạ không tin, lý ấy khó thấy, vì rất ráo vô tướng, thế nên Tu-bồ-đề dẫn chứng trong Tiểu thừa còn có nói pháp không, hướng gì người tu hành pháp Đại thừa mà không tin pháp không.

Lại nữa, như Bà-la-môn San-nhã, giỏi biết tướng người Nhất thiết trí, thấy Bồ-tát ăn cháo sữa, mà biết Bồ-tát sẽ thành Phật ngày hôm nay. Tiên-ni là cậu của Bà-la-môn ấy, tuổi già, trí đức, có tiếng tăm lớn, xuất gia đọc rộng hết thấy kinh sách, tu tâm, ngồi thiền, học đạo. Bấy giờ muốn cầu trí tuệ nên đi đến nghị luận đường. Ở đây các Phạm-chí nói: Sáu thầy ngoại đạo đều tự xưng Nhất thiết trí. Bất-lan Ca-diếp (Phú-lan-na Ca-diếp: Ruruna Kasapa) có tiếng tăm lớn, là thầy của đại chúng, đệ tử ông ta chết, hoặc lớn hoặc nhỏ đều không nói nơi họ sinh đến, còn đệ tử của năm thầy đạo kia, chết hoặc nhỏ hoặc lớn, đều có



nói nơi sinh đến của họ. Phật cũng là bậc Đại sư, có tiếng tăm lớn, đệ tử Ngài chết, nhỏ thì nói chỗ họ sinh đến, lớn thì không nói chỗ họ sinh đến. Tiên-ni nghe vậy rồi, vào lúc khác đi đến chỗ Phật, hỏi han xong, ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Phật cho phép tôi thưa.

Phật bảo:

- Tùy ý ông hỏi.

Tiên-ni nói:

- Trước đây có lần tôi đi đến luận nghị đường, cùng các người luận nghị.

Và đem điều xưa đã nghe thuật đủ lại với Phật, nói tiếp:

- Lúc ấy tôi suy nghĩ, pháp của Phật nói người đệ tử nhỏ chết rồi còn tái sinh, đệ tử lớn không tái sinh, lấy gì làm chắc?

Phật bảo Tiên-ni:

- Pháp của Ta sâu xa, vi diệu, khó hiểu, các ông đem dài dăm trước cái thấy khác, ham muốn khác, giáo pháp khác, đối với pháp của Ta, ông không thể chóng thấy được!

Tiên-ni Phạm-chí bạch Phật rằng:

- Tâm con kính Phật, nguyện xin thương xót nói Diệu pháp khiến cho con ngay tại chỗ ngồi được mắt sáng, không để đứng dậy suông.

Phật hỏi Phạm-chí:

- Ý ông nghĩ sao? Ông thấy sắc ấy là Như khứ chăng? (Tathàgata Trung Hoa dịch là Như Lai hay Như khứ - ND).

- Thưa không.

- Thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ (Như lai) chăng?

- Thưa không.

- Trong sắc là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Trong thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Là ngoài sắc là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Là ngoài thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Ông lại thấy không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Nếu ông theo các “phương tiện không” thấy Như khứ thì có nên

sinh tâm nghi rằng Phật pháp lấy gì làm chắc không?

- Thưa không nên.

Phật bảo Tiên-ni:

- Nếu đệ tử Ta không hiểu rõ pháp ấy thì Ta nói họ còn tái sinh đời sau, vì ngã mạn xưa nay còn dư tàn. Nếu đệ tử Ta hiểu rõ nghĩa ấy, thì Ta không nói chỗ họ tái sinh, vì ngã mạn xưa nay không còn dư tàn.

Tiên-ni nghe nói như vậy liền đắc đạo. Đắc đạo rồi đứng dậy khỏi chỗ ngồi bạch Phật rằng:

- Con xin được xuất gia hành đạo.

- Tức thời râu tóc tự rụng bèn thành Sa-môn, không bao lâu chứng được A-la-hán, vì từ nơi Phật được mắt sáng không hư dối vậy.

Kinh này luận nghị, Tiên-ni tin tưởng, là tin Phật có thể làm cho ông đắc đạo, ấy gọi là bắt đầu tin. Vậy sau nghe Phật phá tâm chấp ta, tôi, từ xưa lại đây, thường tự vô ngã, vô ngã nên các pháp không thuộc về đâu, như huyền như mộng, hư dối không thật, không thể thủ lấy được. Được tín lực ấy rồi, vào thật tướng các pháp, không chấp thủ sắc là Như khứ, cho đến thức là Như khứ.

Hỏi: Cớ sao Phạm-chí đều đáp không với Phật?

Đáp: Phạm-chí vốn lấy tướng chung làm ngã, nay Phật mỗi mỗi hỏi riêng, vì vậy nên đều đáp với Phật là không.

Lại nữa, Phạm-chí nghe người ta hai lối nói ngã: Hoặc có người nói Năm uẩn tức là ngã, hoặc có người nói lìa ngoài Năm uẩn riêng có ngã. Nếu Năm uẩn tức là ngã, thì không có ngã riêng. Vì sao? Vì ngã là một, uẩn là năm, một không làm năm, năm không làm một.

Lại nữa, Năm uẩn tướng vô thường sinh diệt, nếu Năm uẩn là ngã, thì ngã lý đáng cũng sinh diệt; nếu ngã sinh diệt thì mất tội phước. Năm uẩn ấy từ nhân duyên hòa hợp sinh, không tự tại; ngã nếu như vậy, thì dùng ngã làm gì, vì nó không tự tại vậy.

Có các sai lầm như thế nên không được nói sắc Như khứ, thọ tướng hành thức Như khứ.

Lìa ngoài năm uẩn, cũng không nên có ngã, vì vô tướng. Hoặc biết, thấy, lãnh thọ v.v... thì đó đều là tướng Năm uẩn, chẳng phải tướng ngã; người trí làm sao nói lìa ngoài Năm uẩn mà có ngã? Vì vậy nên đáp không.

Nếu có người nói còn có ngã riêng, không có Năm uẩn, việc ấy không đúng, đều là điên đảo phân biệt thấy lầm.

Có các nhân duyên như vậy nên biết là vô ngã, ngã tức là Như khứ (Như Lai). Các pháp cũng như vậy, đều đồng Như khứ, vì vô chủ nên

pháp cũng không thuộc về đâu.

Lại nữa, Phạm-chí suy cầu trí tuệ đặc đạo, theo nơi Bốn niệm xứ cầu, đều không có định tướng, nghĩa là quán năm uẩn nơi tự thân là nội, quán năm uẩn nơi thân người là ngoại, kia đây gọi là trong ngoài. Ba thứ trí tuệ ấy không đặc đạo, không trí tuệ cũng không đặc đạo.

Lại nữa, nội là sáu nhập bên trong, ngoại là sáu nhập bên ngoài.

Lại nữa, nội là trí tuệ năng quán, ngoại gọi là chỗ sở quán. Tiên-ni biết các quán đều có tội lỗi. Vì sao? Vì do sức trí tuệ bên trong nên cho các pháp bên ngoài là thường, vô thường, có, không v.v... chứ chẳng phải pháp ngoài có định tướng. Nếu có định tướng thì không trí dụng. Lại trí tuệ ấy từ ngoại pháp làm nhân duyên phát sinh; tướng ngoại pháp không nhất định, nên trí tuệ cũng không nhất định. Như cái cân vì vật, vật vì cái cân, hai sự tiếp đãi nhau, nếu lia vật thì không có cân, lia cân thì không có vật. Trí không lường kể gọi là đặc đạo, phương tiện đặc gọi là được Thánh đạo quả.

Lại nữa, lược nói nghĩa trí tuệ thật, đó là không thấy nó nơi Năm uẩn bên trong, không thấy nó nơi năm uẩn bên ngoài, cũng không thấy nó lia năm uẩn, thấy trí tuệ ấy là thật.

Lấy trí tuệ vô thường quán Năm uẩn vô thường, trí tuệ ấy do nhân duyên hòa hợp mà có nên không thật. Chấp trước quán là tà kiến, không chấp trước là đặc đạo, nếu tướng vô thường là thật, thì vì sao chấp trước vô thường lại không đặc đạo? Vì vậy, nên hết thấy trong ngoài không thấy trí tuệ nhất định. Nếu lia vô thường quán là đặc đạo, thì hết thấy phạm phu cũng nên đặc đạo, vì vậy nên nói lia trí tuệ, ấy cũng không được gì.

Bấy giờ, Phạm-chí lấy trí tuệ đối với hết thấy pháp tâm được xa lia, đối với trí tuệ cũng lại xa lia. Hết thấy tà kiến chấp thủ tướng về ngã kiến v.v... đều dứt sạch, cũng chẳng từ vô trí đặc.

Bấy giờ, Phạm-chí hoan hỷ, quán tánh tướng vô lượng pháp, Phật thật là Đại sư!

Không bỏ là vì các pháp đều có sức trợ đạo.

Không lấy là vì thật tướng các pháp rốt ráo không, không sở đắc.

Lại nữa, vì các phiền não kiết sử điên đảo hư dối nên không có gì bỏ, chỉ biết các pháp tướng như thật, không tướng không ức niệm; ấy gọi là Bồ-tát Ba-la-mật không lấy không bỏ, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, không qua bờ này bờ kia. Tướng thế gian tức là tướng Niết-bàn, tướng Niết-bàn tức là tướng thế gian, nhất tướng vô tướng. Nếu biết như vậy nên tịch diệt, vì chưa đầy đủ các công đức nên không diệt, vì lực bốn

nguyện đại từ-bi nên không diệt. Tuy cầu Phật đạo mà ở nơi pháp ấy cũng không có tướng tốt xấu và tướng lấy bỏ. Vì vậy, phi pháp cũng phi phi pháp, ấy gọi là Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, không chấp thủ hết thảy tướng.

